

**Biểu 4: BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU THÁNG 6/2024**

Chỉ tiêu	ĐVT	KH2024	TH 5T	ƯỚC T6	ƯỚC 6T	So KH (%)	so cùng kỳ (%)
1. KN Xuất khẩu	1000 USD	750,000	480,000.00	45,000.00	525,000.00	70.00	116.98
Mặt hàng xuất khẩu			-		-		
1. Cà phê	Tấn		140,000.00	8,000.00	148,000.00		87.06
Giá trị	1000 USD		428,000.00	24,000.00	452,000.00		119.89
2. Mủ cao su	Tấn		80.00	20.00	100.00		15.53
Giá trị	1000 USD		121.00	29.00	150.00		20.13
3. Gỗ tinh chế	1000 USD		1,000.00	50.00	1,050.00		210.00
5 Hàng khác	1000 USD		50,879.00	20,921.00	71,800.00		101.79
2. KN Nhập khẩu	1000 USD	115,000.00	97,000.00	2,000.00	99,000.00	86.09	123.75
Mặt hàng nhập khẩu			-	-	-		
1.Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD		-	-	-		
2. Máy móc thiết bị	1000 USD		-	-	-		
3. Sắn lát	Tấn		54,650.00		54,650.00		3,643.33
Giá trị	1000 USD		7,762.00		7,762.00		2,156.11
4.Hạt điều	Tấn		35,535.00	565.00	36,100.00		179.16
Giá trị	1000 USD		40,877.00	620.00	41,497.00		178.24
5. cao su tự nhiên	Tấn		1,227.00		1,227.00		23.60
giá trị	1000 USD		1,250.00		1,250.00		20.83
6. Hàng khác	1000 USD		47,105.00	1,380.00	48,485.00		96.97